TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-7-2022
"V/v Tranh chấp về Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh
Ông Nguyễn Hiếu Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 164/2021/TLST-HNGĐ, ngày 12/5/2021 về việc "Tranh chấp về Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Thị Th – sinh năm 1986 (có mặt);
Địa chỉ: ấp AT, xã ĐA, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
- *Bị đơn*: Ông Danh H – sinh năm 1980 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp AT, xã ĐA, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 08/4/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Thị Th trình bày:

Vào năm 2000, bà kết hôn cùng với ông Danh H, hôn nhân tự nguyện, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và sau đó đến năm 2017 vợ chồng có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật.

Sau khi cưới, vợ chồng bà chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 17 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông H không chịu tu chí làm ăn mà hay rượu chè dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vả, không có tiếng

nói chung nên đến cuối năm 2017 ông bà tự ly thân với nhau từ đó cho đến nay khoảng hơn 4 năm nay. Từ khi ly thân đến nay, bà và ông H không có liên lạc với nhau, cũng không có gặp mặt và không hòa giải được với nhau. Nay, bà nhận thấy vợ chồng không thể nào hàn gắn với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 02 con chung tên: Thị Ngọc Y – sinh ngày 20/10/2002 và Danh D – sinh ngày 18/8/2004. Do hai con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng cũng không có thiếu nợ ai.

Tại phiên tòa: Về quan hệ hôn nhân, bà Thị Th yêu cầu được ly hôn với ông Danh H; Về con chung, do hai con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung; Về tài sản chung, bà xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Danh H không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho ông sơn nhưng ông không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56 và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận cho bà Thị Th được ly hôn với ông Danh H; Về con chung, do hai con chung đã trưởng thành bà Th không yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung nên không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên bà Thị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Danh H được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Ông Danh H với tư cách là bị đơn trong vụ án, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, anh H không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc khác, ông Danh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về hôn nhân: Bà Thị Th và ông Danh H xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2000, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 137/2017 ngày 31/5/2017, theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của bà Thị Th được ly hôn với ông Danh H vì lý do ông Danh H không chịu làm ăn mà thường xuyên rượu chè, rồi về vợ chồng cải vả không hạnh phúc dẫn đến vợ chồng đã tự ly thân với nhau khoảng 4 năm nay. Đối với ông Danh H, Tòa án đã nhiều lần tống đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tống đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để điều kiện cho vợ chồng ông bà hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng ông Danh H đều không có mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà Th khai rõ trong suốt thời gian ly thân, vợ chồng ông bà không gặp mặt nhau và không còn liên lạc với nhau nữa, bản thân bà thì không còn tình cảm gì với ông H và tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn với ông H. HĐXX thấy rằng, sau khi cưới ông bà đã có một thời gian dài chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó do bất đồng trong cách sống sinh hoạt, vợ chồng không có tiếng nói chung, dẫn đến cải vả làm mất hạnh phúc vợ chồng. Trong thời gian ly thân ông bà cũng không muốn hòa giải, hàn gắn được dẫn đến tranh chấp kéo dài làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà Thị Th xác định vợ chồng có 02 con chung tên Thị Ngọc Y – sinh ngày 20/10/2002 và Danh D – sinh ngày 18/8/2004. Do hai con

chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung. Do đó, HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Thị Th xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đ bà Th phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Thị Th được ly hôn với ông Danh H.

- **Về con chung**: HĐXX không xem xét.

- **Về tài sản chung, nợ chung**: HĐXX không xem xét.

3. Về án phí: Bà Thị Th phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002807, ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà Thị Th đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 15/7/2022.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Gò Quao;*
- *Chi cục THADS huyện Gò Quao;*
- *UBND xã Định An;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Nhập

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Nhập